

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG – CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU THẾ KỶ XXI

GS.TSKH. Trương Quang Học

*Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường
Đại học Quốc gia Hà Nội*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chúng ta đang sống trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI với 3 đặc trưng nổi bật: (i) phát triển bền vững (PTBV) đã trở thành chiến lược phát triển của toàn thế giới; (ii) hội nhập và toàn cầu hóa; và (iii) biến đổi khí hậu (BĐKH) đã trở thành thách thức lớn nhất cho toàn nhân loại trong thế kỷ XXI. Trong bối cảnh đó, mỗi quốc gia cần lựa chọn để định ra các chiến lược phát triển phù hợp theo nguyên tắc “*suy nghĩ toàn cầu, hành động địa phương*”.

Việt Nam là một trong các nước nghèo đang phát triển, lại được dự đoán là một trong số rất ít nước (một trong 4 nước) sẽ bị tác động nặng nề nhất của BĐKH. Trong hoàn cảnh đó, cùng với sự phát triển “nhanh” và “nóng” của nền kinh tế, ô nhiễm môi trường đang trở nên ngày càng bức xúc, nhất là ở đô thị và các khu công nghiệp đang gia tăng một cách nhanh chóng. Đặc biệt, tác động tiềm ẩn của biến đổi khí hậu đang trở thành một vấn đề nóng bỏng, đe dọa sự PTBV của cả đất nước. Vì vậy, vấn đề đặt ra đối với chúng ta hiện nay là làm thế nào để vừa giữ được sự tăng trưởng kinh tế cao, vừa bảo vệ được môi trường, vừa ứng phó có hiệu quả với tác động của BĐKH để phát triển bền vững như văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã chỉ ra.

Bài viết này nhằm giới thiệu khái quát Chiến lược phát triển bền vững toàn cầu và Định hướng phát triển bền vững của Việt Nam, những thành tựu đã đạt được, thách thức và định hướng cho giai đoạn tới.

1. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN CẦU

1.1. Những thách thức về môi trường, kinh tế-xã hội và phát triển

Trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học – công nghệ (KH-CN) hiện đại của thế giới (đặc biệt là 4 cuộc cách mạng: Công nghệ sinh học, Tự động hóa, Công nghệ thông tin và Công nghệ nano) đang tiếp tục phát triển với nhịp điệu ngày một nhanh, tạo ra những thành tựu mang tính đột phá, làm thay đổi nhanh chóng, sâu sắc và quyết định đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội và bản thân con người. KH-CN đó trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thời gian đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng ngày càng thu hẹp, vòng đời công nghệ ngày càng rút ngắn. Thế giới đang hướng tới nền kinh tế tri thức toàn cầu hóa.

Bên cạnh những thành tựu rực rỡ về KH-CN, loài người cũng đang đối mặt với những thách thức to lớn về chính trị, văn hóa, xã hội và đặc biệt là môi trường (Bảng 1.1).

Bảng 1.1. Các thách thức về môi trường, văn hóa-xã hội cho sự phát triển

<i>Các thách thức về môi trường</i>	<i>Các thách thức trong các lĩnh vực khác</i>
+ Biến đổi khí hậu toàn cầu + Suy giảm tầng ôzôn + Suy thoái ĐDSH + Suy thoái tài nguyên đất và hoang mạc hóa + Suy thoái tài nguyên nước ngọt + Ô nhiễm bởi các chất thải nguy hại + Suy thoái môi trường và tài nguyên biển...	+ Tăng dân số + Bất bình đẳng về thu nhập + Nghèo đói + Thất học + Dịch bệnh + Đô thị hóa và sự hình thành các siêu đô thị + Nạn tham nhũng...

(Xem thêm bài của GS. Võ Quý trong tài liệu này)

Với những tác động này, *dấu chân sinh thái* của chúng ta hiện nay đã lớn hơn sức tải sinh học của Trái đất, *dấu chân cacbon* cũng đã vượt quá ngưỡng an toàn cho hệ thống khí quyển. “Loài người đang đứng trước một thời điểm quyết định của lịch sử. Thế giới phải đương đầu với tình trạng ngày càng xấu đi của sự nghèo khó, đói kém, bệnh tật, thất học và sự suy thoái không ngừng của các hệ sinh thái. Sự cách biệt giữa người giàu và người nghèo đang tăng lên” (Agenda 21). Điều này buộc thế giới phải thay đổi suy nghĩ và hành động để “Cứu lấy Trái đất” – ngôi nhà chung của chúng ta.

1.2. Diễn trình phát triển bền vững

1.2.1. Khái niệm phát triển

Phát triển được định nghĩa khái quát trong Từ điển Oxford là: “Sự gia tăng dần của một sự vật theo hướng tiến bộ hơn, mạnh hơn...” (The gradual grow of sth. so that it becomes more advanced, stronger...). Trong Từ điển Bách khoa của Việt Nam, phát triển được định nghĩa là: “Phạm trù triết học chỉ ra tính chất của những biến đổi đang diễn ra trong thế giới”. Con người và mọi sự vật đều thay đổi theo thời gian, nhưng sự phát triển được bao hàm cả khía cạnh thay đổi theo hướng đi lên, hướng tốt hơn tương đối. (Sự phát triển theo hướng đi lên như vậy, trong Sinh học được gọi đó là phát triển tiến bộ hay tiến hóa, và ngược lại là phát triển thoái bộ - thoái hóa).

Phát triển học hay Khoa học phát triển là một khoa học mới, ra đời khoảng những năm 40-50 và phát triển mạnh trong thập kỷ 60. Trong quá trình phát triển, Phát triển học có những thay đổi về nội hàm.

Ở giai đoạn đầu, nội dung chủ yếu là Kinh tế học phát triển và sau đó càng ngày càng phát triển theo hướng liên ngành. Ở mức cao hơn, môn Xã hội học phát triển và Quản trị học phát triển ra đời, nhấn mạnh sự hài hòa giữa sự tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội có phần can thiệp của thể chế, chính trị.

Ở giai đoạn cao hơn nữa/hiện nay, với sự bùng nổ của dân số và sự phát triển mạnh mẽ của các nền kinh tế, con người đã khai thác tài nguyên và hủy hoại môi trường một cách tàn bạo, đe dọa sự tồn tại của Trái đất, của nhân loại. Hàng loạt các vấn đề môi trường bức xúc như biến đổi khí hậu, suy thoái đa dạng sinh học (ĐDSH), suy thoái tài nguyên nước ngọt, suy thoái tầng ôzôn, suy thoái đất và hoang mạc hóa và ô nhiễm các chất hữu cơ độc hại khó phân hủy, v.v... đang thách thức sự phát triển trên phạm vi toàn thế giới. Chiến lược Phát triển bền vững ra đời (1992) và trở thành Chiến lược phát triển của toàn cầu trong thế kỷ XXI.

1.2.2. Từ phát triển đến phát triển bền vững

Đã có một lịch sử phát triển tương đối dài để hình thành khái niệm phát triển bền vững:

+ *Năm 1963: Phát hành cuốn sách Mùa xuân câm lặng (Silent Spring)*: Cuốn sách “Mùa xuân câm lặng” của nữ văn sĩ Rachel Carson, được xuất bản năm 1962, với những tiết lộ về những hiểm họa của thuốc trừ sâu DDT, đã hoài nghi một cách biện chứng niềm tin của nhân loại vào tiến bộ khoa học kỹ thuật này và giúp tạo ra một sân khấu cho các phong trào môi trường. DDT, thuốc trừ sâu mạnh nhất từng được biết đến trên thế giới, đã làm tổn thương tới các hệ tự nhiên. Chỉ một lần phun DDT để diệt một loài sâu hại cây trồng, nó không chỉ diệt được loài sâu bệnh trong nhiều tuần hoặc nhiều tháng, mà đồng thời cũng tiêu diệt luôn nhiều loài côn trùng có lợi khác và tồn lưu như một độc chất trong môi trường. “Mùa xuân câm lặng” đã làm thay đổi nhận thức của người dân Mỹ về môi trường, góp phần thúc đẩy các chính sách về môi trường của đất nước này.

+ *Tháng 4 năm 1968: Câu lạc bộ Rome được thành lập*: Đây là một tổ chức phi chính phủ, hỗ trợ cho việc nghiên cứu “Những vấn đề của thế giới” – một cụm từ được đặt ra nhằm diễn tả những vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường và công nghệ trên toàn cầu với tầm nhìn lâu dài. Tổ chức này đã tập hợp những nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà kinh doanh cũng như các nhà lãnh đạo của các quốc gia trên thế giới (bao gồm cả Tổng thống Liên xô Mikhail Sergeyevich Gorbachyov và Rigoberta Menchus Tum). Trong nhiều năm, Câu lạc bộ Rome đã công bố một số lượng lớn các báo cáo, bao gồm cả bản báo cáo *Giới hạn của sự tăng trưởng* – được xuất bản năm 1972 – đề cập tới hậu quả của việc tăng dân số quá nhanh, sự hữu hạn của các nguồn tài nguyên...

+ *Năm 1970: Thành lập Chương trình Con người và Sinh quyển*: Năm 1970, UNESCO thành lập Chương trình Con người và Sinh quyển, với mục tiêu là phát triển cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý và bảo tồn các tài nguyên của sinh quyển và cải thiện quan hệ toàn cầu giữa loài người và môi trường.

+ *Tháng 6 năm 1972: Hội nghị của Liên Hợp Quốc về Con người và Môi trường*: Hội nghị của Liên Hợp Quốc về Con người và Môi trường được tổ chức tại Stockholm, Thụy Điển được đánh giá là là hành động đầu tiên đánh dấu sự nỗ lực chung của toàn thể nhân loại, nhằm giải quyết các vấn đề về môi trường. Hội nghị có 113 quốc gia tham dự và đã đạt được những kết quả chính sau: (i) Khởi động các cuộc đối thoại Bắc

– Nam; (ii) Khởi động chương trình “Viễn cảnh toàn cầu”; (iii) Khởi động sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong giám sát và bảo vệ môi trường; (iv) Thành lập Chương trình Môi trường của LHQ (UNEP); (v) Đề nghị Đại hội đồng LHQ lấy ngày 5 tháng 6 làm Ngày Môi trường Thế giới và quyết định rằng vào ngày này hàng năm các tổ chức thuộc LHQ và tất cả chính phủ các nước tiến hành các hoạt động trên phạm vi toàn thế giới để tái khẳng định mối quan tâm của cả thế giới đối với việc gìn giữ và cải thiện môi trường sống cho nhân loại. Hội nghị đã có một tuyên bố về môi trường con người, thỏa thuận về một chương trình hành động quốc tế rộng lớn, thành lập Chương trình Môi trường của LHQ (UNEP), Ban thư ký thường trực về môi trường đặt tại Kenya và thành lập Quỹ Môi trường.

+ *Năm 1980: Chiến lược bảo tồn thế giới*: Tiếp theo Hội nghị Stockholm, các tổ chức bảo tồn như Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN), Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) và Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Thế giới (WWF) đã đưa ra “Chiến lược bảo tồn thế giới”. Chiến lược này thúc giục các nước soạn thảo các chiến lược bảo tồn quốc gia của mình. Ba mục tiêu chính về bảo tồn tài nguyên sinh vật được nhấn mạnh trong Chiến lược như sau: (i) Duy trì những hệ sinh thái cơ bản và những hệ hỗ trợ sự sống (như cải tạo đất, tái sinh các nguồn dinh dưỡng, bảo vệ an toàn nguồn nước); (ii) Bảo tồn tính đa dạng di truyền; và (iii) Bảo đảm sử dụng một cách bền vững các loài và các hệ sinh thái. Từ khi Chiến lược bảo tồn thế giới được công bố tới nay, đã có trên 60 chiến lược bảo tồn quốc gia được phê duyệt. Trong chiến lược này, thuật ngữ *Phát triển bền vững* lần đầu tiên được nhắc tới, tuy nhiên mới chỉ nhấn mạnh ở góc độ bền vững sinh thái.

Tiếp theo Chiến lược này, một công trình khoa học có tiêu đề “Cứu lấy Trái đất – Chiến lược cho cuộc sống bền vững” đã được IUCN, UNEP và WWF soạn thảo và công bố (1991) (cuốn sách này đã được Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường dịch ra tiếng Việt vào năm 1993). Trong cuốn sách, nhiều khuyến nghị về cải cách luật pháp, thể chế và quản trị đã được đề xuất.

+ *Năm 1984: Thành lập Ủy ban Brundtland*: Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã ủy nhiệm cho bà Gro Harlem Brundtland, khi đó là Thủ tướng Na Uy, quyền thành lập và làm Chủ tịch Ủy ban Quốc tế về Môi trường và Phát triển (WCED), nay còn được biết đến với tên Ủy ban Brundtland. Tới nay, Ủy ban này đã được ghi nhận có những cống hiến rất giá trị cho việc đẩy mạnh sự phát triển bền vững.

+ *Năm 1987: Xuất bản Báo cáo Brundtland*: Hoạt động của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới trở nên nóng bỏng khi xuất bản báo cáo có tựa đề “Tương lai của chúng ta” (tựa tiếng Anh: Our Common Future và tiếng Pháp là Notre avenir à tous, ngoài ra còn thường được gọi là Báo cáo Brundtland). Bản báo cáo này lần đầu tiên công bố chính thức thuật ngữ “phát triển bền vững”, sự định nghĩa cũng như một cái nhìn mới về cách hoạch định các chiến lược phát triển lâu dài.

+ *Năm 1989*: Sự phát hành và tầm quan trọng của bản báo cáo “Tương lai của chúng ta” đã được đưa ra bàn bạc tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc và đã dẫn đến sự ra đời

của Nghị quyết 44/228 – tiền đề cho việc tổ chức Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên Hợp Quốc.

+ Năm 1992: *Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên Hợp Quốc*: Rio de Janeiro, Brazil là nơi đăng cai tổ chức Hội nghị thượng đỉnh về Trái đất, tên chính thức là Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNCED). Tại đây, các đại biểu tham gia đã thống nhất những nguyên tắc cơ bản và phát động một chương trình hành động vì sự phát triển bền vững có tên Chương trình Nghị sự 21 (Agenda 21). Với sự tham gia của đại diện hơn 200 nước trên thế giới cùng một số lượng lớn các tổ chức phi chính phủ, hội nghị đã thông qua các văn bản quan trọng:

- Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển với 27 nguyên tắc chung, xác định những quyền và trách nhiệm của các quốc gia nhằm làm cho thế giới PTBV;
- Chương trình Nghị sự 21 về PTBV;
- Tuyên bố các nguyên tắc quản lý, bảo vệ và PTBV rừng;
- Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu nhằm ổn định các khí gây hiệu ứng nhà kính ở mức độ không gây đảo lộn nguy hiểm cho hệ thống khí hậu toàn cầu;
- Công ước về Đa dạng sinh học.

Đây là các văn kiện quốc tế quan trọng có mối liên quan với nhau, được quán triệt trong suốt thế kỷ XXI.

Từ đó, Chương trình Nghị sự 21 về Phát triển bền vững đã trở thành chiến lược phát triển của toàn cầu trong thế kỷ XXI, và “Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ”, với 8 nội dung (xóa đói, giảm nghèo; phổ cập giáo dục tiểu học; thúc đẩy bình đẳng giới tính, đồng thời nâng cao quyền lợi của nữ giới; giảm tỷ lệ trẻ em tử vong; cải thiện và đảm bảo sức khỏe sản phụ; đấu tranh với các loại bệnh như HIV, sốt xuất huyết; bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển hợp tác toàn cầu) đã được tập trung thực hiện.

+ Năm 2002: *Hội nghị thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững*: Hội nghị thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững nhóm họp tại Johannesburg, Nam Phi là dịp cho các bên tham gia nhìn lại những việc đã làm 10 năm qua theo phương hướng mà Tuyên ngôn Rio và Chương trình Nghị sự 21 đã vạch ra, tiếp tục tiến hành với một số mục tiêu được ưu tiên. Những mục tiêu này bao gồm xóa nghèo đói, phát triển những sản phẩm tái sinh hoặc thân thiện với môi trường, nhằm thay thế các sản phẩm gây ô nhiễm, bảo vệ và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hội nghị cũng đề cập tới chủ đề toàn cầu hóa gắn với các vấn đề liên quan tới sức khỏe và phát triển. Các đại diện của các quốc gia tham gia Hội nghị cũng cam kết phát triển chiến lược về phát triển bền vững tại mỗi quốc gia trước năm 2005.

1.3. Phát triển bền vững

1.3.1. Khái niệm, nội dung, mô hình và các nguyên tắc phát triển bền vững

1.3.1.1. Khái niệm và nội dung phát triển bền vững:

Thuật ngữ *Phát triển bền vững* (PTBV – Sustainable Development) lần đầu tiên được sử dụng trong bản “Chiến lược bảo tồn thế giới” do IUCN đề xuất năm 1980. Mục tiêu tổng thể của Chiến lược là “đạt được sự PTBV bằng cách bảo vệ các tài nguyên sinh vật” và thuật ngữ PTBV ở đây được đề cập tới với một nội dung hẹp, nhấn mạnh tính bền vững của sự phát triển về mặt sinh thái, nhằm kêu gọi việc bảo tồn các tài nguyên sinh vật. Năm 1987, trong báo cáo “Tương lai chung của chúng ta”, Ủy ban Quốc tế về Môi trường và Phát triển lần đầu tiên đã đưa ra một định nghĩa tương đối đầy đủ về PTBV là: “*Sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương khả năng của các thế hệ tương lai trong việc thỏa mãn các nhu cầu của chính họ*”.

Nội hàm về PTBV được tái khẳng định ở Hội nghị Rio – 92 và được bổ sung, hoàn chỉnh tại Hội nghị Johannesburg – 2002: “Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển. Đó là: phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”. Ngoài ba mặt chủ yếu này, có nhiều người còn đề cập tới những khía cạnh khác của phát triển bền vững như chính trị, văn hóa, tinh thần, dân tộc... và đòi hỏi phải tính toán và cân đối chúng trong hoạch định các chiến lược và chính sách phát triển kinh tế-xã hội cho từng quốc gia, từng địa phương cụ thể (Bảng 1.1).

Nếu phân tích kỹ hơn thì giữa phát triển truyền thống và PTBV có hàng loạt điểm khác biệt có tính chất nguyên tắc (Bảng 1.2).

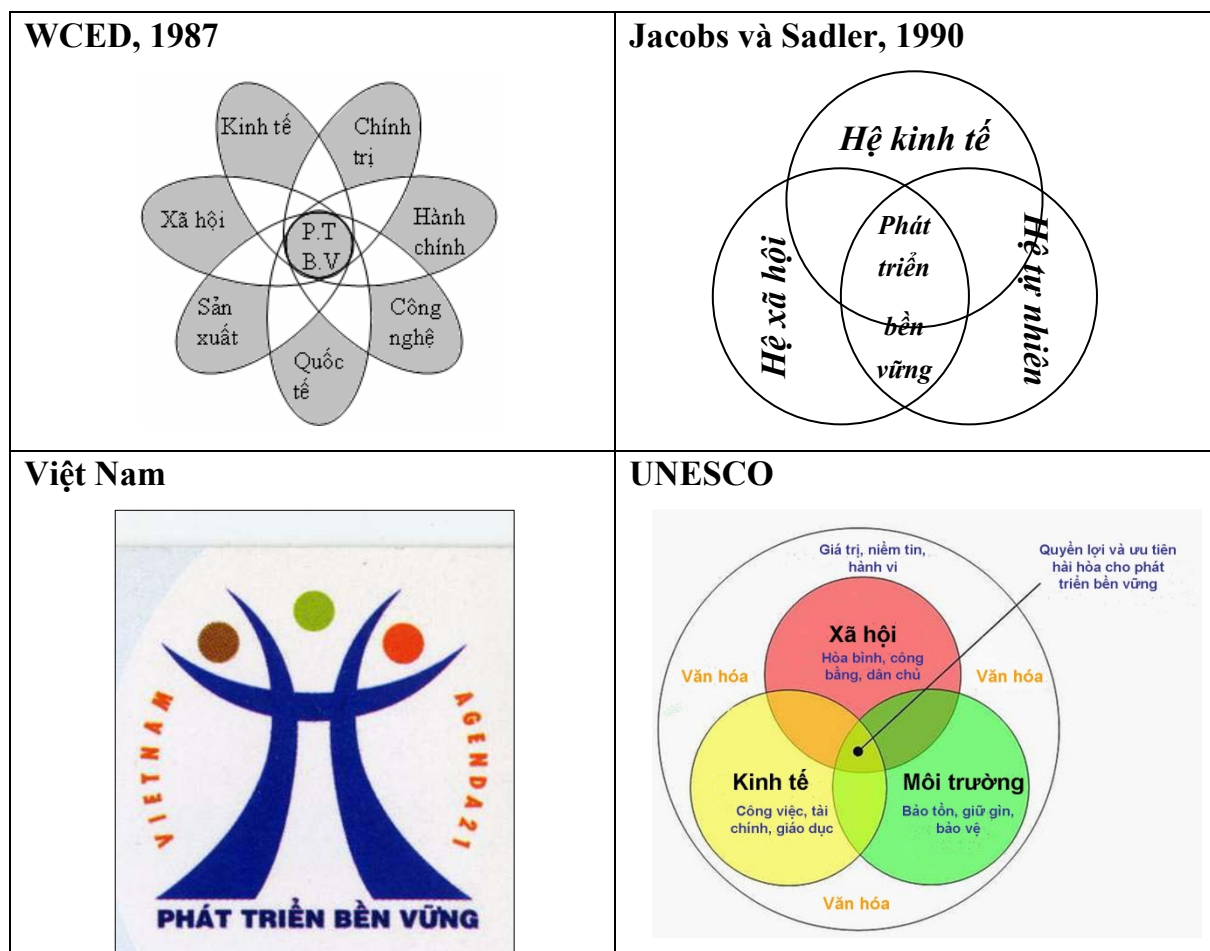
Bảng 1.2. Từ phát triển đến phát triển bền vững

<i>Tiêu chí</i>	<i>Từ phát triển</i>	<i>Đến phát triển bền vững</i>
Trụ cột	Kinh tế (xã hội)	Hài hòa kinh tế-xã hội-môi trường
Trung tâm	Của cải vật chất/hàng hóa	Con người
Điều kiện cơ bản	Tài nguyên thiên nhiên	Tài nguyên con người
Chủ thể quản lý	Một chủ thể (nhà nước)	Nhiều chủ thể
Quan hệ với tự nhiên	Khai thác/cải tạo tự nhiên	Bảo tồn/sử dụng hợp lý tự nhiên
Giới	Nam quyền	Bình đẳng nam, nữ
Tính chất	Kinh tế truyền thống	Kinh tế tri thức
Cách tiếp cận	Đơn ngành/liên ngành thấp	Liên ngành cao

Hiện nay, đã có khoảng 120 nước trên thế giới xây dựng và thực hiện chương trình nghị sự 21 về PTBV cấp quốc gia và gần 7.000 chương trình nghị sự 21 cấp địa phương.

1.3.1.2. Sơ đồ/mô hình phát triển bền vững:

Có nhiều sơ đồ/mô hình PTBV được đề xuất:



Hình 1.1. Một số sơ đồ phát triển bền vững

1.3.1.3. Cơ sở sinh thái học của phát triển bền vững:

Để triển khai các chiến lược và kế hoạch phát triển bền vững, Liên Hợp Quốc đã thành lập Chương trình “Đánh giá hệ sinh thái thiên nhiên kỷ (MA)” (tháng 6/2001), nhằm mục đích giúp các khu vực và quốc gia:

- + Hiểu biết một cách sâu sắc hơn mối quan hệ giữa HST (tự nhiên) và phúc lợi của con người;
- + Phân tích những tiềm năng của các HST có thể đóng góp vào công cuộc xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho cộng đồng;
- + Đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách ở những cấp ra quyết định khác nhau;

- + Tích hợp các lĩnh vực kinh tế, môi trường, xã hội và văn hóa;
- + Tích hợp thông tin từ cả hai nguồn: khoa học xã hội và khoa học tự nhiên;
- + Phân tích và đánh giá những phương án về chính sách và quản lý, nhằm duy trì dịch vụ của các HST và hài hòa nó với nhu cầu của người dân, và
- + Tăng cường quản lý HST tổng hợp.

HST ở đây được hiểu theo nội hàm mới – “một tổ hợp động của các quần xã thực vật, động vật, vi sinh vật và các điều kiện môi trường vô sinh xung quanh trong sự tương tác lẫn nhau như một đơn vị chức năng; con người là một bộ phận hữu cơ của HST”.

Định nghĩa này nhấn mạnh con người là một thành viên đặc biệt của HST theo nghĩa Con người, một mặt, có những tác động mạnh mẽ nhất vào HST theo cách riêng của mình (có ý thức và bằng công cụ) và mặt khác lại là đối tượng mà bất kỳ nghiên cứu HST nào cũng phải hướng tới để đem lại phúc lợi cho họ.

Nói cách khác, MA sẽ hỗ trợ để lựa chọn những phương án tốt nhất và xác định cách tiếp cận mới, phù hợp để thực hiện kế hoạch hành động triển khai Agenda 21 nhằm đạt được các mục tiêu thiên niên kỷ.

Đối với các nhà hoạch định chính sách, MA đưa ra một cơ chế để giúp họ:

- + Xác định phương án nhằm đạt được các mục tiêu bền vững và phát triển con người;
- + Hiểu biết một cách sâu sắc hơn khái niệm đánh đổi có liên quan tới tất cả các ngành, các bên trong những quyết định liên quan tới môi trường;
- + Liên kết các phương án giải quyết nhằm đạt được hiệu quả tổng hòa cao nhất.

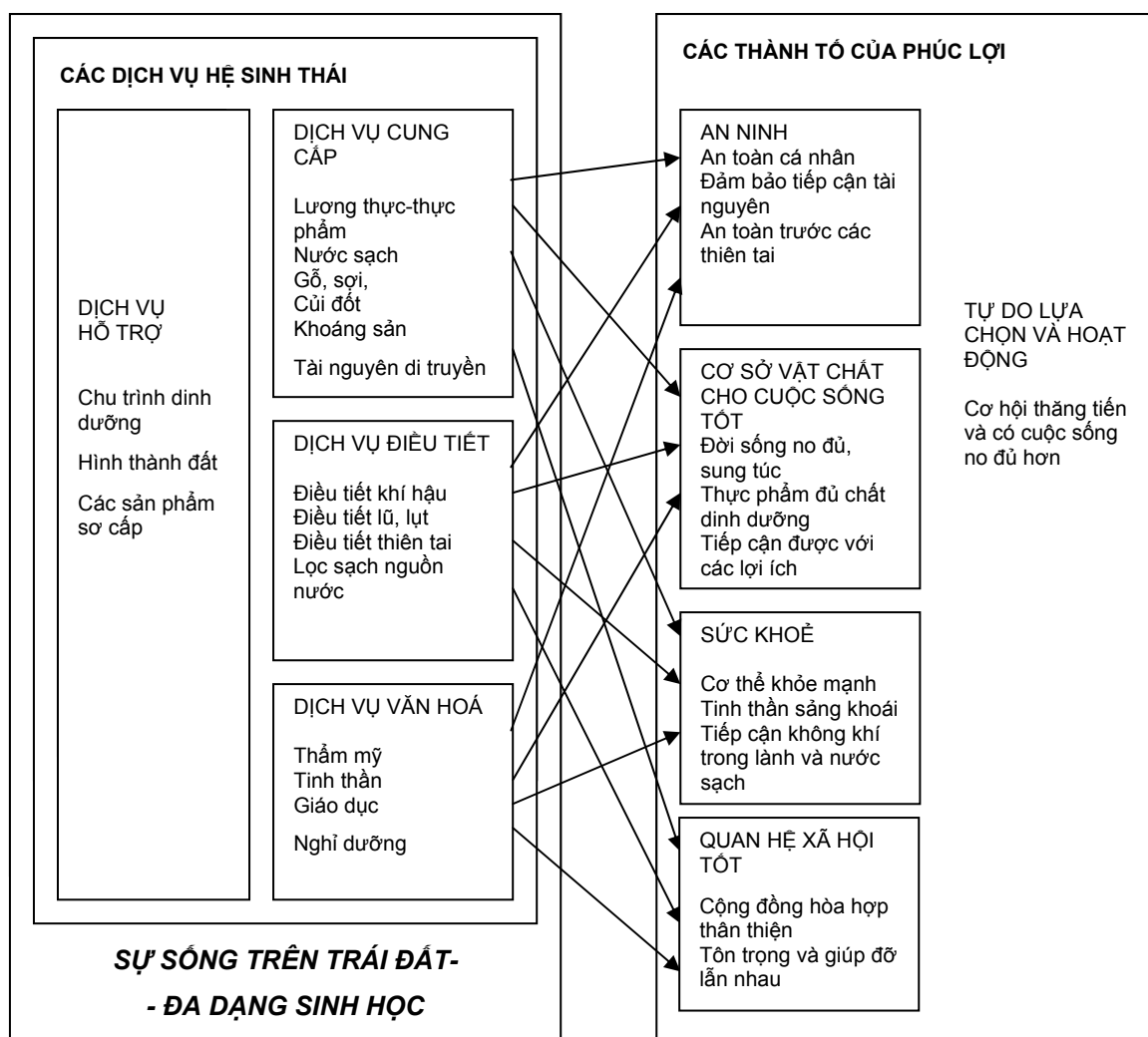
1.3.1.4. Đánh giá khái quát việc thực hiện Mục tiêu thiên niên kỷ:

Sau hơn 10 năm thực hiện Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, Liên Hợp Quốc đã tổ chức Hội nghị thượng đỉnh tại New York từ 20-22/9 với sự tham dự của các đại diện đến từ 189 nước (140 nguyên thủ hoặc người đứng đầu chính phủ), nhằm đẩy nhanh hơn nữa tiến độ đạt được các mục tiêu.

Trong quá trình Hội nghị, sáu phiên thảo luận bàn tròn đã được tổ chức với các chủ đề: (i) giải quyết thách thức của đói nghèo và bình đẳng giới; (ii) hoàn thành các mục tiêu về y tế và giáo dục; (iii) thúc đẩy phát triển bền vững; (iv) giải quyết các vấn đề mới nổi và phương thức tiếp cận mới; (v) đáp ứng nhu cầu của những người dễ bị tổn thương nhất; và (vi) mở rộng và tăng cường các mối quan hệ đối tác.

Văn kiện của Hội nghị thượng đỉnh ba ngày – “Giữ vững cam kết: Đoàn kết để đạt được các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ” – đã khẳng định lại cam kết của các nguyên thủ quốc gia đối với các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, đã bày tỏ lo ngại sâu sắc về việc những tiến bộ đạt được vẫn còn hạn chế so với yêu cầu đặt ra, những thành tựu đạt được còn chưa đồng đều giữa các mục tiêu và các quốc gia. Hiện tại, những tiến bộ đạt được về bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ là chưa thỏa đáng. Gần một nửa dân số của thế giới đang phát triển vẫn tiếp tục sống mà không

được tiếp cận với các điều kiện vệ sinh cơ bản. Quá nhiều người còn thất nghiệp hoặc chưa có việc làm đúng với khả năng của mình. Và cần quan tâm nhiều hơn nữa tới phát triển bền vững và thân thiện với môi trường. Song, Văn kiện tin tưởng rằng với những cam kết toàn cầu mới cùng với hành động tập thể mạnh mẽ và hiệu quả, những mục tiêu đặt ra về giảm đói nghèo, bệnh tật và hàng loạt vấn đề xã hội khác có thể đạt được vào năm 2015.



Hình 1.2. Mối liên quan giữa các dịch vụ hệ sinh thái với các thành tố của cuộc sống thịnh vượng

Dựa trên các kinh nghiệm thành công và những bài học rút ra sau hơn mười năm, Văn kiện đã đưa ra một chương trình hành động cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu này vào năm 2015 với những bước đi cụ thể cần thực hiện để đẩy nhanh tiến độ đạt được cho từng mục tiêu, trong đó, khẳng định dù khủng hoảng tài chính và kinh tế đã phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các mục tiêu, đã đạt được những thành tựu to lớn trong cuộc chiến chống lại đói nghèo, tăng tỷ lệ trẻ em được đi học và cải thiện tình trạng sức khỏe của người dân ở nhiều quốc gia, và những mục tiêu đặt ra là hoàn toàn có thể thực hiện được.

Để chuẩn bị cho Hội nghị thượng đỉnh này, đã có rất nhiều hoạt động được diễn ra ở Việt Nam, bao gồm cả việc công bố Báo cáo quốc gia về các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ – Phát triển bền vững trong khung cảnh biến đổi khí hậu.

1.4. Những cuộc khủng hoảng thời hiện đại

1.4.1. Biến đổi khí hậu toàn cầu

Biến đổi khí hậu, mà trước hết là sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng, là một trong những thách thức nghiêm trọng nhất đối với loài người trong Thế kỷ XXI. BĐKH tác động tới mọi lĩnh vực, bao gồm tài nguyên thiên nhiên, môi trường, kinh tế-xã hội và sức khỏe con người. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của nó có thể khác nhau tùy theo điều kiện địa lý, mức độ phát triển và các biện pháp thích ứng mà các khu vực cũng như các quốc gia cụ thể áp dụng. Cộng đồng quốc tế đang cố gắng để có được các giải pháp hữu hiệu nhất nhằm ứng phó với BĐKH trên phạm vi toàn cầu. Nhiều quốc gia đã xây dựng và thực hiện các kế hoạch thích ứng với BĐKH.

Năm 2010 là năm nóng và có nhiều biến đổi bất thường nhất của khí hậu toàn cầu:

- + Theo số liệu thống kê của Chính phủ Trung Quốc, các trận lũ lụt từ đầu năm đến tháng 8 năm 2010 đã làm gần 4.000 người chết hoặc mất tích, gần 12 triệu người phải sơ tán, ảnh hưởng đến 140 triệu người ở 28 tỉnh trên khắp các ba miền Bắc Trung Nam của Trung Quốc.
- + Tại Pakixtan, ngày 9/8 vừa qua, Liên Hợp Quốc cho biết, với khoảng 13,8 triệu người bị ảnh hưởng, đợt lũ lụt hiện nay đã gây ra những hậu quả tồi tệ hơn cả thảm họa sóng thần năm 2004 ở châu Á. Các đợt lũ lụt đã cướp đi tính mạng của ít nhất 1.600 người trong vòng hai tuần.
- + Những đám cháy rừng và than bùn tại Nga bắt đầu bùng phát vào thời điểm những ngày cuối tháng 7 (2010) (Hình 1.3), sau hơn một tháng nước Nga phải chịu cảnh hạn hán và nắng nóng lên đến mức kỷ lục trong vòng 130 năm trở lại đây.
- + Hiện một khối băng tan khổng lồ diện tích khoảng 260 km² trôi dạt trên đảo Greenland. Đây là tảng băng tan lớn nhất trong vòng 50 năm qua (Hình 1.3).



Hình 1.3. Cháy rừng ở Nga và tảng băng khổng lồ trên đảo Greenland

Việt Nam là một trong số ít nước sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng của BĐKH và nước biển dâng. Theo tính toán, nhiệt độ trung bình ở Việt Nam có thể tăng lên 3°C và mực nước biển có thể dâng 1 m vào năm 2100.

Bên cạnh biến đổi khí hậu, hiện nay, thế giới cũng đang phải đối mặt với ba cuộc khủng hoảng lớn nữa: khủng hoảng tài chính, khủng hoảng năng lượng và khủng hoảng lương thực.

1.4.2. Khủng hoảng tài chính

Khủng hoảng tài chính 2007-2010 là một cuộc khủng hoảng bao gồm sự đổ vỡ hàng loạt hệ thống ngân hàng. Tình trạng đối tín dụng, tình trạng sụt giá chứng khoán và mất giá tiền tệ xảy ra trên quy mô lớn ở nhiều nước trên thế giới, có nguồn gốc từ khủng hoảng tài chính ở Hoa Kỳ, do mối quan hệ tài chính nói riêng và kinh tế nói chung mật thiết của Hoa Kỳ với nhiều nước. Cuộc khủng hoảng từ Hoa Kỳ đã lan rộng ra nhiều nước trên thế giới, dẫn tới những đổ vỡ tài chính, suy thoái kinh tế, suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có cả Việt Nam.

1.4.3. Khủng hoảng năng lượng

Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng này năng lượng lần này là do: (i) dầu lửa và các nhiên liệu hóa thạch khác ngày càng cạn kiệt; (ii) nhu cầu năng lượng của các nước, nhất là các nước có sự bùng nổ nền kinh tế (Trung Quốc, Ấn Độ) ngày càng cao; (iii) sự bất ổn về an ninh ở các khu vực chiến lược về năng lượng của thế giới làm ảnh tới lượng dầu khai thác; và (iv) sự bất đồng quan điểm giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế, nhất là giữa Mỹ và các thành viên OPEC đã gây ra cuộc khủng hoảng năng lượng hiện nay.

Giá dầu lửa và lương thực tăng vọt trong thời gian gần đây đã và đang tác động trực tiếp, gây ảnh hưởng nặng nề tới nhiều quốc gia (giá cả sinh hoạt, lạm phát tăng, sản xuất bị ảnh hưởng), nhất là các quốc gia đang và kém phát triển.

Điều này đã buộc cộng đồng quốc tế phải có những chiến lược mới để ứng phó, bao gồm: (i) đa dạng hóa các nguồn cung cấp năng lượng (năng lượng hạt nhân, năng lượng tái sinh và năng lượng sinh học); và (ii) tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng.

1.4.4. Khủng hoảng lương thực

Cuộc khủng hoảng lương thực trên phạm vi toàn cầu trong thời gian gần đây đã ảnh hưởng lớn tới đời sống của người dân ở nhiều quốc gia, đẩy hơn 100 triệu người vào tình trạng đói kém. Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng lương thực bao gồm: (i) diện tích sản xuất lương thực ngày càng giảm, làm cho lượng dự trữ lương thực của thế giới hiện nay ở mức thấp nhất trong vòng 25 năm qua; (ii) biến đổi khí hậu tác động mạnh tới sản xuất nông nghiệp (làm gia tăng thiên tai, dịch bệnh, giảm năng suất cây trồng), làm lượng lương thực dự trữ ngày càng giảm; và (iii) sản xuất nhiên liệu sinh học (sản xuất diêzen sinh học từ lương thực) để thay thế nhiên liệu hóa thạch nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

1.4.5. Suy thoái/khủng hoảng tài nguyên

Sự suy thoái ba nguồn tài nguyên quan trọng nhất là nước, đất và sinh vật đang là những vấn đề môi trường cấp bách, mang tính toàn cầu. Cách tiếp cận quản lý tổng hợp tài nguyên – quản lý tài nguyên dựa trên hệ sinh thái là xu hướng chủ đạo trong quản lý bền vững tài nguyên ở nhiều quốc gia hiện nay trong khuôn khổ một Chương trình quốc tế chung “Đánh giá hệ sinh thái thiên niên kỷ”.



Hình 1.4. Từ trên xuống, từ trái sang: Khủng hoảng tài chính; Khủng hoảng năng lượng; Khủng hoảng lương thực; Suy thoái tài nguyên

1.5. Phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay

Trong bối cảnh như vậy, chiến lược dài hạn của thế giới cũng như của các nước cần tập trung theo 3 hướng phát triển: (i) xã hội cacbon thấp/tăng trưởng xanh; (ii) xã hội tái tạo tài nguyên; và (iii) xã hội hài hòa với thiên nhiên.

1.5.1. Xã hội cacbon thấp/Kỷ nguyên năng lượng – khí hậu

Như trên đã phân tích, thế giới hiện nay đang đứng trước những thách thức lớn lao về môi trường và “*tính từ bây giờ chúng ta còn vừa đủ thời gian*” để giải quyết vấn đề, nếu không, sẽ quá muộn.

Biến đổi khí hậu là một thảm họa đối với nhân loại và chúng ta đang bế tắc chưa tìm được cách giải quyết, nhất là sau COP15 vừa qua tại Copenhagen. Tuy nhiên, một số

người lại cho rằng, có “một loạt cơ hội ẩn sau những vấn đề tưởng như không giải quyết nổi” này và dự đoán rằng Kỷ nguyên mới trước mắt sẽ là một trong những kỷ nguyên thay đổi lớn nhất về xã hội, chính trị và kinh tế. Kỷ nguyên, trong đó có những đột phá lớn trong các lĩnh vực năng lượng sạch và thái độ trân trọng đối với tự nhiên, với tài nguyên rừng, biển, những điểm nóng về đa dạng sinh học, sẽ hướng tới một xã hội cacbon thấp và hài hòa với tự nhiên.

Phải nhìn nhận rằng đây là một cơ hội lớn cho những ai có tầm nhìn xa. Rất đơn giản, vì con người không thể tiếp tục cung cấp năng lượng cho sự phát triển bằng hệ thống dựa trên nhiên liệu hóa thạch tồn tại suốt thời Cách mạng Công nghiệp đến nay và bắt buộc chúng ta phải chuyển sang một Kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên năng lượng – khí hậu.

Xã hội cacbon thấp gồm 3 nội dung: (i) duy trì hoạt động kinh tế hiệu quả trong khi tối thiểu hóa sử dụng năng lượng và tài nguyên; (ii) tối thiểu hóa áp lực về môi trường với việc sử dụng mỗi nguồn năng lượng và tài nguyên; và (iii) đầu tư vào môi trường, một công cụ để phát triển kinh tế.

1.5.2. Xã hội tái tạo tài nguyên

Xã hội tái tạo tài nguyên nhằm tiết kiệm và sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả nhất.

1.5.3. Xã hội hài hòa với tự nhiên

Nội dung này đã được khẳng định trong Hội nghị các bên tham gia Công ước ĐDSH lần thứ 10 (COP10) tại Nagoya, Nhật Bản năm 2010. Theo đó, Liên Hợp Quốc phát động “Năm quốc tế về rừng” (2011) và “Thập kỷ ĐDSH” (2011-2020), nhằm nâng cao nhận thức về ĐDSH, đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn ĐDSH và sống thân thiện, hài hòa với thiên nhiên trên phạm vi toàn cầu.

2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

2.1. Việt Nam tham gia các hoạt động quốc tế

Việt Nam đã sớm tham gia vào tiến trình chung của thế giới trong việc xây dựng Chương trình Nghị sự 21. Năm 1992, đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam tham dự Hội nghị thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển ở Rio de Janeiro (Braxin) đã ký Tuyên bố chung của thế giới về môi trường và phát triển, Chương trình Nghị sự 21 toàn cầu, cam kết xây dựng Chiến lược PTBV quốc gia và chương trình nghị sự 21 địa phương. Năm 2004, Việt Nam đã phê chuẩn Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường thời kỳ đến 2010 và định hướng đến 2020. Việt Nam cũng đã tham gia nhiều cam kết quốc tế nhằm bảo vệ môi trường và phát triển xã hội. Năm 2000, Việt Nam cam kết thực hiện các Mục tiêu thiên niên kỷ của thế giới.

Hội đồng PTBV quốc gia cũng đã được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1032/QĐ-TTg ngày 27/9/2005. Hội đồng do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Phó Chủ tịch thường trực. Cơ quan

Thường trực giúp việc cho Hội đồng PTBV là Văn phòng PTBV, đặt tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Hòa nhập với cộng đồng quốc tế, trong quá trình đổi mới kinh tế và xã hội, PTBV, với những nội hàm phát triển toàn diện và có hiệu quả về kinh tế, đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, luôn luôn là mục tiêu phát triển trong từng thời kỳ kế hoạch của đất nước.

Đại hội Đảng lần thứ IX đã thông qua Mục tiêu chiến lược 10 năm (2001-2010), mà nội dung tập trung vào những nhân tố phát triển bền vững: “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao”.

Để thực hiện Mục tiêu PTBV như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc đã đề ra và thực hiện cam kết quốc tế về PTBV, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam). Đây là chiến lược khung, bao gồm những định hướng lớn, làm cơ sở pháp lý để các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện và phối hợp hành động, nhằm bảo đảm phát triển bền vững đất nước trong thế kỷ XXI.

Định hướng Chiến lược về PTBV ở Việt Nam nêu lên những thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt, đề xuất những chủ trương, chính sách, công cụ pháp luật và những lĩnh vực hoạt động ưu tiên để thực hiện Mục tiêu PTBV.

Với những định hướng chiến lược phát triển dài hạn, văn bản Định hướng Chiến lược PTBV ở Việt Nam sẽ thường xuyên được xem xét, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển, cập nhật những kiến thức và nhận thức mới nhằm hoàn thiện hơn về con đường PTBV ở Việt Nam.

2.2. Xây dựng Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam)

CTNS 21 của Việt Nam là khung chiến lược để xây dựng các chương trình hành động. Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển của Việt Nam dưới góc độ bền vững, CTNS đã đưa ra những nguyên tắc PTBV, mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, các lĩnh vực hoạt động ưu tiên, phương tiện và giải pháp, nhằm đạt được sự PTBV trong thế kỷ XXI. Dưới đây sẽ lần lượt điểm qua các nét chính được đề cập đến trong CTNS.

2.2.1. Những mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc trong phát triển bền vững Việt Nam

2.2.1.1. Mục tiêu:

Mục tiêu tổng quát trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010 của Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX là: “Đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân

dân; tạo nền tảng để đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của đất nước trên trường quốc tế được nâng cao”. Quan điểm phát triển trong Chiến lược trên được khẳng định: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”; “Phát triển kinh tế-xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học”.

Mục tiêu tổng quát của PTBV là đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên. Phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Mục tiêu PTBV về kinh tế là đạt được sự tăng trưởng ổn định với cơ cấu kinh tế hợp lý, đáp ứng được yêu cầu nâng cao đời sống của nhân dân, tránh được sự suy thoái hoặc đình trệ trong tương lai, tránh để lại gánh nặng nợ nần lớn cho các thế hệ mai sau.

Mục tiêu PTBV về xã hội là đạt được kết quả cao trong việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm chế độ dinh dưỡng và chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được nâng cao, mọi người đều có cơ hội được học hành và có việc làm, giảm tình trạng đói nghèo và hạn chế khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp và nhóm xã hội, giảm các tệ nạn xã hội, nâng cao mức độ công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các thành viên và giữa các thế hệ trong một xã hội, duy trì và phát huy được tính đa dạng và bản sắc văn hóa dân tộc, không ngừng nâng cao trình độ văn minh về đời sống vật chất và tinh thần.

Mục tiêu của PTBV về môi trường là khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường, bảo vệ tốt môi trường sống; bảo vệ các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và bảo tồn đa dạng sinh học; khắc phục suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

2.2.1.2. Tám nguyên tắc chính cho phát triển bền vững của Việt Nam:

Để đạt được mục tiêu nêu trên, trong quá trình phát triển chúng ta cần thực hiện những nguyên tắc chính sau đây:

Thứ nhất, con người là trung tâm của PTBV. Đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân, xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh là nguyên tắc quán triệt nhất quán trong mọi giai đoạn phát triển.

Thứ hai, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn phát triển sắp tới, bảo đảm an ninh lương thực, năng lượng để phát triển bền vững, bảo đảm vệ sinh và an toàn thực phẩm cho nhân dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa với phát triển xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên trong giới

hạn cho phép về mặt sinh thái và bảo vệ môi trường lâu bền. Từng bước thực hiện nguyên tắc “mọi mặt kinh tế, xã hội và môi trường đều cùng có lợi”.

Thứ ba, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường là một yếu tố không thể tách rời của quá trình phát triển. Tích cực và chủ động phòng ngừa, ngăn chặn những tác động xấu đối với môi trường do hoạt động của con người gây ra. Cần áp dụng rộng rãi nguyên tắc “người gây thiệt hại đối với tài nguyên và môi trường thì phải bồi hoàn”. Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ và có hiệu lực về công tác bảo vệ môi trường; chủ động gắn kết và có chế tài bắt buộc lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế-xã hội, coi yêu cầu về bảo vệ môi trường là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá PTBV.

Thứ tư, quá trình phát triển phải bảo đảm đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thế hệ hiện tại và không gây trở ngại tới cuộc sống của các thế hệ tương lai. Tạo lập điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển; được tiếp cận tới những nguồn lực chung và được phân phối công bằng những lợi ích công cộng; tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau; sử dụng tiết kiệm những tài nguyên không thể tái tạo lại được; gìn giữ và cải thiện môi trường sống; phát triển hệ thống sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; xây dựng lối sống lành mạnh, hài hòa, gần gũi và yêu quý thiên nhiên.

Thứ năm, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy phát triển nhanh, mạnh và bền vững đất nước. Công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất. Trước mắt, cần được đẩy mạnh sử dụng ở những ngành và lĩnh vực sản xuất có tác dụng lan truyền mạnh, có khả năng thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành và lĩnh vực sản xuất khác.

Thứ sáu, PTBV là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp chính quyền, các bộ, ngành và địa phương, của các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mọi người dân. Phải huy động tối đa sự tham gia của mọi người có liên quan trong việc lựa chọn các quyết định về phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường ở địa phương và trên quy mô cả nước. Bảo đảm cho nhân dân có khả năng tiếp cận thông tin và nâng cao vai trò của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là của phụ nữ, thanh niên, đồng bào các dân tộc ít người trong việc đóng góp vào quá trình ra quyết định về các dự án đầu tư phát triển lớn, lâu dài của đất nước.

Thứ bảy, gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để PTBV đất nước. Phát triển các quan hệ song phương và đa phương, thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực; tiếp thu có chọn lọc các tiên bộ khoa học công nghệ, tăng cường hợp tác quốc tế để PTBV. Chú trọng phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các tác động xấu đối với môi trường do quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế gây ra.

Thứ tám, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2.2.1.3. Các lĩnh vực ưu tiên:

Chương trình Nghị sự cũng đề cập đến 19 lĩnh vực ưu tiên trong chính sách phát triển. Bao gồm: 5 lĩnh vực ưu tiên để phát triển kinh tế, 5 lĩnh vực ưu tiên nhằm phát triển xã hội bền vững và 9 lĩnh vực ưu tiên nhằm phát triển tài nguyên thiên nhiên về môi trường.

Sau đây sẽ lần lượt giới thiệu về các lĩnh vực ưu tiên nói trên.

(i) Những lĩnh vực ưu tiên trong phát triển kinh tế:

- + Duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định, trên cơ sở nâng cao không ngừng tính hiệu quả, hàm lượng khoa học công nghệ và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và cải thiện môi trường.
- + Thay đổi mô hình và công nghệ sản xuất, mô hình tiêu dùng theo hướng sạch hơn và thân thiện với môi trường, dựa trên cơ sở sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên không tái tạo lại được, giảm tối đa chất thải độc hại và khó phân hủy, duy trì lối sống của cá nhân và xã hội hài hòa và gần gũi với thiên nhiên.
- + Thực hiện quá trình “công nghiệp hóa sạch”, nghĩa là ngay từ ban đầu phải quy hoạch sự phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường; tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp, xây dựng nền “công nghiệp xanh”.
- + Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững. Trong khi phát triển sản xuất ngày càng nhiều hàng hóa theo yêu cầu của thị trường, phải bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, bảo tồn và phát triển được các nguồn tài nguyên đất, nước, không khí, rừng và đa dạng sinh học.
- + PTBV vùng và xây dựng các cộng đồng địa phương PTBV.

(ii) Những lĩnh vực ưu tiên trong phát triển xã hội:

- + Tập trung nỗ lực để xóa đói, giảm nghèo, tạo thêm việc làm; tạo lập cơ hội bình đẳng để mọi người được tham gia các hoạt động xã hội, văn hóa, chính trị, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.
- + Tiếp tục hạ thấp tỷ lệ gia tăng dân số, giảm bớt sức ép của sự gia tăng dân số đối với các lĩnh vực tạo việc làm, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục và đào tạo nghề nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái.
- + Định hướng quá trình đô thị hóa và di dân nhằm PTBV các đô thị; phân bố hợp lý dân cư và lực lượng lao động theo vùng, bảo đảm sự phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường bền vững ở các địa phương.
- + Nâng cao chất lượng giáo dục để nâng cao dân trí, trình độ nghề nghiệp thích hợp với yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước.
- + Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, cải thiện các điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống.

(iii) Những lĩnh vực ưu tiên trong sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- + Chống thoái hóa, thực hiện sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất.
- + Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước.
- + Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản.
- + Bảo vệ môi trường biển, ven biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển.
- + Bảo vệ và phát triển rừng.
- + Giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp.
- + Quản lý có hiệu quả chất thải rắn và chất thải nguy hại.
- + Bảo tồn đa dạng sinh học.
- + Giảm nhẹ biến đổi khí hậu và hạn chế những ảnh hưởng có hại của biến đổi khí hậu, góp phần phòng, chống thiên tai.

2.2.2. Chương trình hành động thực hiện Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam

2.2.2.1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển kinh tế nhanh và bền vững:

- + Tiếp tục đổi mới nền kinh tế, duy trì khả năng phát triển nhanh và bền vững.
- + Phát triển nhanh, đồng bộ hệ thống thị trường, trên cơ sở tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho mọi doanh nghiệp và nhà đầu tư.
- + Tăng tiềm lực và khả năng tài chính quốc gia.
- + Tăng cường hiệu lực của các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô, nhằm huy động tốt các nguồn lực phát triển trong nền kinh tế.
- + Hoàn thiện khung pháp lý để hội nhập có hiệu quả.
- + Xây dựng các cơ chế chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy hiệu quả trong từng ngành, lĩnh vực và trong toàn bộ nền kinh tế.

2.2.2.2. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình phát triển công nghiệp và thương mại theo hướng bền vững, bao gồm:

- + Đề án đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp.
- + Đề án phát triển công nghiệp khai thác.
- + Đề án phát triển hệ thống năng lượng.
- + Đề án phát triển công nghiệp chế biến.
- + Chương trình phát triển hệ thống giao thông.
- + Hệ thống dịch vụ và du lịch.

2.2.2.3. Xây dựng chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng bền vững:

- + Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng bền vững.
- + Xây dựng đề án sử dụng hợp lý tài nguyên nông nghiệp và nông thôn.
- + Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển thị trường nông thôn, tăng khả năng tiêu thụ nông sản.

2.2.2.4. Xây dựng các chương trình phát triển đô thị theo hướng bền vững:

- + Chiến lược phát triển đô thị.
- + Các chính sách và các mô hình quản lý đô thị.

2.2.2.5. Xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực và các vấn đề xã hội theo hướng bền vững:

- + Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nâng cao trình độ dân trí trong các vùng.
- + Xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
- + Tiếp tục giảm mức tăng dân số và tạo thêm việc làm cho người lao động.
- + Phát triển và nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe, cải thiện các điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống.
- + Nâng cao mức sống của các tầng lớp dân cư.

2.2.3. Đánh giá kết quả thực hiện

2.2.3.1. Đánh giá chung:

(a) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế nhằm thực hiện Định hướng Chiến lược phát triển bền vững:

(i) Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện phát triển bền vững, xây dựng và ban hành các chương trình nghị sự 21 ngành và địa phương: Sau khi Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 01/2005/TT-BKH ngày 9/3/2005 hướng dẫn về nội dung Chương trình Nghị sự 21 ở cấp ngành và địa phương, các bước tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện.

Tính đến cuối năm 2009, một số bộ ngành đã xây dựng Định hướng phát triển bền vững ngành như: công nghiệp, tài nguyên và môi trường, thủy sản, xây dựng. Chương trình Nghị sự 21 của địa phương đã được xây dựng và phê duyệt tại 21 tỉnh/thành phố (Hà Nội, Hải Phòng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Sơn La, Bắc Ninh, Ninh Bình, Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam...).

(ii) Xây dựng tổ chức bộ máy để thực hiện Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam:

+ Thành lập Hội đồng Phát triển Bền vững quốc gia: Hội đồng PTBV quốc gia đã được thành lập theo Quyết định số 1032/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Tháng 2/2009, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 248/QĐ-TTg về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Hội đồng PTBV quốc gia, theo đó Hội đồng có chức năng tư vấn, giúp Thủ tướng chỉ đạo tổ chức thực hiện Định hướng Chiến lược phát triển bền vững trong phạm vi cả nước và giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam theo Định hướng Chiến lược phát triển bền vững.

+ Thành lập Ban chỉ đạo/Hội đồng PTBV và Văn phòng PTBV tại các bộ, ngành và địa phương: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thành lập Văn phòng PTBV tại Quyết định số 685/QĐ-BKH ngày 28/6/2004 để giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức và hướng dẫn thực hiện Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam. Theo Quyết định 248/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng PTBV đặt tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư là bộ phận giúp việc cho Hội đồng PTBV quốc gia về thư ký và hỗ trợ hành chính.

Đến nay, một số bộ ngành (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương) và 26 địa phương (Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Sơn La, Bắc Ninh, Hà Nam, Ninh Bình, Thừa Thiên Huế...) cũng đã thành lập Ban chỉ đạo hoặc Hội đồng Phát triển bền vững và Văn phòng Phát triển bền vững để triển khai thực hiện Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam.

(b) Lồng ghép phát triển bền vững vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển:

Quan điểm phát triển bền vững đã được khẳng định trong Chiến lược Phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010 và dự thảo Chiến lược Phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020. Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 2006-2010 và dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 2011-2015 cũng đã được xây dựng theo định hướng PTBV, trong đó, gắn kết các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế, xã hội, môi trường. Bộ chỉ tiêu về PTBV cũng đã bước đầu được nghiên cứu, xây dựng.

Tuy nhiên, quy hoạch phát triển của một số ngành trong thời gian qua chưa được thực hiện theo hướng PTBV, chưa xem xét, lồng ghép các mục tiêu, nguyên tắc PTBV khi xây dựng quy hoạch.

(c) Truyền thông nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực quản lý phát triển bền vững của các cơ quan trung ương và địa phương:

Hàng chục hội thảo và lớp tập huấn đã được tổ chức để phổ biến nội dung của Định hướng Chiến lược PTBV cho đội ngũ cán bộ các cơ quan trung ương và địa phương. Hai Hội nghị toàn quốc về phát triển bền vững được tổ chức vào năm 2004 và năm 2006 tại Hà Nội đã làm cho nhận thức của các cơ quan chính phủ và các nhóm xã hội về phát triển bền vững được nâng cao. Kết quả điều tra trong tháng 10/2010 cho thấy, hầu hết cán bộ quản lý, cán bộ các tổ chức đoàn thể các cấp biết về khái niệm PTBV, đặc biệt là những người hoạt động trong lĩnh vực lập kế hoạch đều biết đến khái niệm

này ở các mức độ khác nhau. Một số cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt của bộ máy Nhà nước đã đưa kiến thức về PTBV vào giảng dạy. Các tổ chức đoàn thể, các trường đại học, các phương tiện thông tin đại chúng đã tham gia tích cực vào chiến dịch tuyên truyền PTBV.

Trong công tác tăng cường năng lực cho bộ máy quản lý, do quy mô của hoạt động đào tạo, tập huấn còn quá nhỏ, thời lượng của tập huấn còn ngắn, vì vậy mà nội dung kiến thức chưa sâu. Kết quả đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý còn hạn chế.

(d) Triển khai thực hiện các sáng kiến và mô hình phát triển bền vững tại các bộ, ngành và địa phương:

Các sáng kiến nhằm thực hiện phát triển bền vững đã và đang được triển khai tại các ngành và địa phương trong thời gian qua. Mô hình doanh nghiệp PTBV đã được xây dựng thí điểm tại Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng, thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và đã đạt được những thành công nhất định để tiến tới nhân rộng tại các doanh nghiệp khác trong ngành. Tại các địa phương thí điểm, nhiều mô hình trình diễn về PTBV đã được thực hiện và tổng kết để phổ biến cho các địa phương khác.

(e) Theo dõi, giám sát đánh giá về thực hiện phát triển bền vững:

Hiện nay, chúng ta vẫn chưa ban hành một bộ chỉ tiêu PTBV thống nhất từ cấp quốc gia cho đến cấp ngành và địa phương. Trong hệ thống chỉ tiêu kế hoạch 5 năm và hàng năm, đã đưa vào các chỉ tiêu về môi trường để đánh giá. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 26/2007/CT-TTg ngày 26/11/2007 về việc theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về tài nguyên, môi trường và PTBV. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện chỉ thị nêu trên chưa được tốt.

Nhìn chung, công tác giám sát, đánh giá và báo cáo về việc thực hiện Chương trình Nghị sự 21 Việt Nam trong thời gian qua chưa được tổ chức một cách hệ thống và hiệu quả.

(g) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển bền vững:

Phát triển bền vững là nội dung được lồng ghép trong chiến lược hợp tác phát triển của tất cả các nhà tài trợ. Trong thời gian qua, các tổ chức quốc tế song phương và đa phương (UNDP, SIDA, UNEP, DANIDA) đã hỗ trợ tích cực cho Chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện phát triển bền vững.

Đánh giá chung, việc tổ chức thực hiện Định hướng Chiến lược PTBV thời gian qua cho thấy, đã có nhiều hoạt động tích cực để triển khai các nội dung và các giải pháp nêu trong Định hướng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, vẫn còn những mặt hạn chế, tồn tại, cụ thể:

- + Hệ thống thể chế, văn bản pháp quy về PTBV còn chưa hoàn thiện, cần tiếp tục được củng cố, sửa đổi, bổ sung.
- + Tổ chức triển khai thực hiện Định hướng PTBV (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) chưa tốt, các bộ ngành, địa phương chấp hành chưa đầy đủ.

- + Còn thiếu các cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện PTBV.
- + Nhận thức về PTBV ở tất cả các cấp (kể cả cấp trung ương, cấp chỉ đạo..) còn hạn chế, chưa đầy đủ. Khái niệm về PTBV còn chưa được phổ biến sâu rộng trong cộng đồng.
- + Vẫn chưa ban hành được bộ chỉ tiêu về PTBV thống nhất từ cấp quốc gia cho đến cấp ngành, địa phương.

2.2.3.2. Đánh giá tổng quát về tình hình thực hiện phát triển bền vững trong các lĩnh vực thời kỳ 2005-2010:

(a) Các kết quả đã đạt được:

(i) Về kinh tế: Tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển khá. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm ước đạt 7% so với kế hoạch đề ra là 7,5-8%. GDP theo giá thực tế tính theo đầu người năm 2010 dự kiến đạt khoảng 1.162 đô la Mỹ, đưa nước ta ra khỏi nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tiếp tục được quan tâm. Tất cả các vùng đều đạt và vượt mục tiêu về GDP bình quân đầu người và giảm tỷ lệ hộ nghèo so với kế hoạch đề ra.

(ii) Về xã hội: Các mặt xã hội như công tác xóa đói giảm nghèo, công tác dân số và bảo vệ chăm sóc sức khỏe người dân, giáo dục và tạo việc làm cho người lao động, đều đạt được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ. Công tác an sinh xã hội được đặc biệt coi trọng. Tính đến cuối năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo dự kiến giảm còn dưới 10% (tương ứng với 1,7 triệu hộ nghèo). Theo ước tính trong 5 năm qua, trên 8 triệu lao động đã được giải quyết việc làm. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam tiếp tục tăng: năm 2008, Việt Nam được tăng hạng lên 105/177 nước, với chỉ số HDI đạt 0,733 điểm. Đến nay, các Mục tiêu thiên niên kỷ đều đã đạt được và vượt cam kết với cộng đồng quốc tế.

(iii) Về tài nguyên và môi trường: Hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đang được hoàn thiện theo hướng tiếp cận với các mục tiêu PTBV. Các nguồn lực cho công tác bảo vệ tài nguyên môi trường vì mục tiêu PTBV đã và đang được tăng cường mạnh mẽ. Hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường thu được nhiều kết quả tốt. Tốc độ gia tăng ô nhiễm đã từng bước được hạn chế. Chất lượng môi trường tại một số nơi, một số vùng đã được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, cũng như quá trình PTBV của đất nước.

(b) Hạn chế, tồn tại:

(i) Về kinh tế: Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, thiếu chiều sâu, đặc biệt trong lĩnh vực sử dụng tài nguyên không tái tạo. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đồng đều và chưa phát huy thế mạnh trong từng ngành, từng vùng, từng sản phẩm. Năng suất lao động xã hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Sự tăng trưởng kinh tế còn dựa một phần quan trọng vào vốn vay bên ngoài.

(ii) Về xã hội: Tình trạng tái nghèo ở một số vùng khó khăn có chiều hướng gia tăng. Giải quyết việc làm chưa tạo được sự bứt phá, chưa tạo được nhiều việc làm bền vững. Cơ cấu dân số biến động mạnh, mất cân bằng giới tính khi sinh ngày càng nghiêm trọng. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều bất cập; sản xuất, quản lý và sử dụng thuốc chữa bệnh còn nhiều yếu kém, thiếu sót. Hệ thống giáo dục quốc dân chưa đồng bộ, chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước.

(iii) Về tài nguyên và môi trường: Các vấn đề môi trường như ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí nhiều nơi còn nặng nề; suy giảm đa dạng sinh học; khai thác khoáng sản và quản lý chất thải rắn đang gia tăng, gây bức xúc trong nhân dân. Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa đồng bộ. Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. Nhận thức về bảo vệ môi trường và PTBV ở các cấp, các ngành và nhân dân chưa đầy đủ. Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên vẫn đang diễn ra tương đối phổ biến.

2.2.4. Định hướng phát triển cho giai đoạn tới

2.2.4.1. Định hướng phát triển tổng quát:

Để thực hiện PTBV đất nước giai đoạn 2011-2020, cần xem xét một cách toàn diện mức độ bền vững của phát triển kinh tế, phát triển xã hội (văn hóa, y tế, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ) và môi trường. Định hướng PTBV giai đoạn 2011-2020 phải đảm bảo duy trì mức tăng và xu hướng gia tăng ổn định, liên tục, nhất là đối với các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế, việc làm, năng suất lao động, hiệu suất sử dụng vốn đầu tư..., cũng như phải đảm bảo duy trì mức giảm và xu hướng giảm ổn định, liên tục, nhất là đối với các chỉ tiêu về tiêu tốn năng lượng, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, tỷ lệ đói nghèo, tỷ lệ thất nghiệp, diện tích đất bị thoái hóa, ô nhiễm môi trường...

2.2.4.2. Các lĩnh vực ưu tiên nhằm phát triển bền vững trong giai đoạn 2011-2020 (19 lĩnh vực được xác định trong Chương trình Nghị sự 21):

(a) Lĩnh vực kinh tế:

(i) Duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững: Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững là nhu cầu cấp bách của những nền kinh tế chậm phát triển như Việt Nam, nhằm rút ngắn khoảng cách với các nền kinh tế đã phát triển. Chuyển nền kinh tế từ tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng sang phát triển chủ yếu theo chiều sâu, trên cơ sở sử dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến để tăng năng suất lao động và nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế nói chung và hiệu quả của vốn đầu tư nói riêng. Xây dựng hệ thống hạch toán kinh tế môi trường và đưa thêm môi trường và các khía cạnh xã hội vào khuôn khổ hạch toán tài khoản quốc gia.

(ii) Chuyển đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường: Khuyến khích áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn và thân thiện với môi trường, công nghệ sử dụng ít năng lượng, nguyên liệu. Xây dựng văn hóa tiêu dùng văn minh,

hài hòa và thân thiện với thiên nhiên. Áp dụng các chính sách điều chỉnh những hành vi tiêu dùng không hợp lý.

(iii) Thực hiện “công nghiệp hóa sạch”: Quy hoạch sự phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị, bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường; tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp, xây dựng nền “công nghiệp xanh”. Những tiêu chuẩn môi trường cần được đưa vào danh mục tiêu chuẩn thiết yếu nhất để lựa chọn các ngành nghề khuyến khích đầu tư, công nghệ sản xuất và sản phẩm, quy hoạch các khu công nghiệp, khu chế xuất và xây dựng các kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và kiểm soát ô nhiễm. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sạch, thân thiện với môi trường.

(iv) Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững: Nông, lâm, ngư nghiệp là lĩnh vực cung cấp lương thực, thực phẩm cơ bản, thiết yếu cho cuộc sống con người, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và góp phần xuất khẩu. Việc áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới về giống, quy trình canh tác và chế biến sản phẩm để phát triển nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm và tăng thu nhập theo hướng bền vững là yêu cầu bức thiết hiện nay.

(v) Phát triển bền vững các vùng và địa phương: Chiến lược phát triển vùng phải vừa tập trung ưu tiên phát triển trước các vùng kinh tế trọng điểm, có khả năng bứt phá và dẫn dắt sự phát triển, lại vừa phải chú ý tới việc hỗ trợ các vùng kém phát triển và có điều kiện khó khăn hơn, nhằm tạo ra một sự cân đối nhất định trong phát triển không gian. Từng bước thu hẹp khoảng cách về xã hội và tiến tới giảm bớt sự chênh lệch về kinh tế trong những năm sau này. Các vùng phát triển kinh tế trọng điểm sẽ đóng vai trò là đầu tàu, là động cơ lôi kéo các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa có điều kiện khó khăn hơn.

(b) Lĩnh vực xã hội:

(vi) Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội: Tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo; giảm bớt sự chênh lệch về mức sống của các vùng, các nhóm xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội bằng cách tập trung vào các hoạt động hỗ trợ, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo có tư liệu và phương tiện để sản xuất, phát triển kinh tế thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phát triển sản xuất hàng hóa, trợ giúp việc học chữ và học nghề.

(vii) Tiếp tục hạ thấp tỷ lệ gia tăng dân số, tạo thêm việc làm, xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam: Việt Nam có quy mô dân số lớn, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên cao, mật độ dân số cao, nhất là các vùng đồng bằng và đô thị, lực lượng lao động dồi dào, trẻ, có tính năng động cao trong hoạt động kinh tế. Vì vậy, việc đảm bảo mức tăng dân số hợp lý, giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy yếu tố con người, nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế, làm ổn định và lành mạnh hóa xã hội, đáp ứng nhu cầu bức xúc của nhân dân. Xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam bền vững, hạnh phúc là một trong những mục tiêu xã hội mang tính chiến lược.

(viii) Định hướng quá trình đô thị hóa và di dân, nhằm phát triển bền vững các đô thị, phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng: Quá trình đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh, quy mô lớn. Các đô thị giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, bảo đảm an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường. Vì vậy, cùng với phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, phải đặc biệt chú ý đến phát triển đô thị hợp lý, trong đó có việc khuyến khích phát triển các thành phố quy mô trung bình và nhỏ; giảm bớt sự khác biệt giữa các vùng, khu vực nông thôn với thành thị, giữa các cộng đồng dân cư và tạo sự hòa nhập xã hội bền vững.

(ix) Nâng cao chất lượng giáo dục để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp thích hợp với yêu cầu của sự phát triển đất nước: Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ, tăng cường tính thực tiễn, kỹ năng thực hành, năng lực tự học, coi trọng kiến thức xã hội và nhân văn, bổ sung những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh và tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước trong khu vực và thế giới. Huy động toàn xã hội, toàn dân đóng góp xây dựng nền giáo dục, đa dạng hóa các loại hình giáo dục và đào tạo, mở rộng các nguồn tài chính, khai thác mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục.

(x) Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống: củng cố và tăng cường hệ thống y tế theo hướng đa dạng hóa các loại hình phục vụ và xã hội hóa lực lượng tham gia, nhưng các cơ sở y tế công phải đóng vai trò chủ đạo. Thiết lập hệ thống cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện, tập trung vào việc cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Cải thiện, nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các trạm y tế xã, phường; đào tạo các nhân viên y tế cộng đồng, các kỹ thuật viên y tế để bảo đảm cho họ có khả năng tiến hành tốt các công việc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và triển khai các hoạt động y tế dự phòng. Cải thiện điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống ở mọi vùng đất nước.

(c) Lĩnh vực môi trường:

(xi) Chống thoái hóa, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất: Thoái hóa đất đang là xu thế phổ biến đối với nhiều vùng rộng lớn ở Việt Nam, đặc biệt là vùng đồi núi, nơi tập trung hơn 3/4 quỹ đất. Các dạng thoái hóa đất chủ yếu là: xói mòn, rửa trôi, đất có độ phì nhiêu thấp và mất cân bằng dinh dưỡng, đất chua hóa, mặn hóa, phèn hóa, bạc màu, khô hạn và sa mạc hóa, đất ngập úng, lũ quét, đất trượt và sạt lở, đất bị ô nhiễm. Sự suy thoái môi trường đất kéo theo sự suy thoái các quần thể động, thực vật và chiều hướng giảm diện tích đất nông nghiệp trên đầu người đã đến mức báo động. Vì vậy, cần sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, để đảm bảo cho cả thế hệ hiện nay lẫn những thế hệ mai sau có một môi trường sinh sống bảo đảm.

(xii) Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước: Tăng cường quản lý Nhà nước về tài nguyên nước và xây dựng ý thức sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước – một loại tài nguyên ngày càng trở nên khan hiếm. Xây dựng và thực

hiện các chương trình, dự án quản lý tổng hợp các lưu vực sông, các vùng đầu nguồn, nước ngầm.

(xiii) Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản: Khoáng sản là loại tài nguyên không tái tạo được, nên việc khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên khoáng sản nói riêng là nội dung không thể thiếu trong chương trình PTBV của quốc gia, là một nội dung cần được ưu tiên, bao gồm các hoạt động về khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài nguyên khoáng sản, trong đó sử dụng tiết kiệm là chủ đạo.

So với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, Việt Nam có những lợi thế quan trọng về tài nguyên khoáng sản. Nếu biết bảo vệ, khai thác và sử dụng hợp lý, bền vững nguồn tài nguyên này thì chúng sẽ trở thành một lợi thế trong cạnh tranh quốc tế cả trong hiện tại và tương lai lâu dài.

(xiv) Bảo vệ môi trường biển, ven biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển: Việt Nam có hơn 3.300 km bờ biển. Vùng đặc quyền kinh tế biển của Việt Nam rộng khoảng 1 triệu km², gấp 3 lần lãnh thổ trên đất liền. Vùng ven biển là nơi tập trung cao các hoạt động kinh tế và xã hội, nơi đây tập trung gần 60% dân số, khoảng 50% đô thị lớn và quan trọng và hầu hết các khu công nghiệp lớn của cả nước. Việc thực hiện những mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và những nhiệm vụ được xác định trong Chương trình hành động của Chính phủ về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 một cách nhất quán, nghiêm túc là việc làm thiết thực, góp phần đảm bảo PTBV đất nước trong những năm sắp tới.

(xv) Bảo vệ và phát triển rừng: Rừng ở Việt Nam có đặc trưng cơ bản là rừng nhiệt đới, rất phong phú chủng loài thực vật, động vật, giá trị sinh khối và đa dạng sinh học cao. Rừng có ý nghĩa đặc biệt quyết định đối với việc đảm bảo gìn giữ môi trường nước, môi trường đất. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu, ban hành các chính sách phát triển và bảo vệ rừng hiệu quả trong thời kỳ tới.

(xvi) Giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp: Trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, hiện tượng ô nhiễm không khí ở các khu công nghiệp tập trung và các đô thị đã xuất hiện với mức độ đáng báo động. Ô nhiễm bụi trong không khí ở các khu công nghiệp thường vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,5-3 lần. Vì vậy, cần có biện pháp đủ mạnh để khống chế và cải thiện tình trạng ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp, ngăn chặn nguy cơ phát tán ô nhiễm không khí trên diện rộng.

(xvii) Quản lý có hiệu quả chất thải rắn và chất thải nguy hại: Những chất phế thải có nguồn gốc công nghiệp, như chất dẻo, nhựa, kim loại, dư lượng hóa chất khó phân hủy, tuy chưa trở thành vấn đề bức xúc, nhưng đang có xu hướng tăng lên nhanh chóng. Vấn đề rác thải bắt đầu xuất hiện ở những vùng có mật độ dân số đông đúc. Vì vậy, việc quản lý, thu gom và xử lý các chất thải rắn và chất thải nguy hại đang là vấn đề môi trường cấp bách phải giải quyết.

(xviii) Bảo tồn đa dạng sinh học: Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới và được xem là một trong 10 trung tâm có mức đa dạng sinh học cao trên thế giới. Đa dạng sinh học

Việt Nam được thể hiện ở độ phong phú về thành phần loài sinh vật, số loài đặc hữu cao, nhiều loài mới đối với thế giới, kể cả các loài thú lớn đã được phát hiện trong thời gian gần đây, ở độ đa dạng về các nguồn gen, đồng thời còn được thể hiện ở sự đa dạng các kiểu cảnh quan và các hệ sinh thái tiêu biểu. Việc bảo tồn đa dạng sinh học đang đặt ra nhiều nhiệm vụ mới phải giải quyết trong nhiệm vụ PTBV.

(xix) Giảm thiểu tác động và thích nghi với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai: Sự thay đổi khí hậu trên quy mô toàn cầu và ở các khu vực trên thế giới do hoạt động của con người đang và sẽ tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Cần tăng cường và nâng cao năng lực dự báo, thích nghi và khắc phục trước các diễn biến mới về thời tiết, khí hậu và giảm nhẹ tác động, thiệt hại của các thảm họa tự nhiên.

2.2.4.3. Giải pháp:

Phát triển bền vững là phát triển vì con người, do con người. Vì vậy, cần huy động lực lượng, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, với sự tham gia của từng người dân, biến tư duy PTBV đất nước thành hành động thường nhật, cụ thể của mỗi người, vì chất lượng cuộc sống hôm nay và mai sau của cá nhân mình, gia đình mình, cộng đồng mình và cả nước.

Để thực hiện tư tưởng này, trong giai đoạn đến 2020, tập trung trước hết vào các nhóm giải pháp cụ thể sau:

(a) Nâng cao hơn nữa nhận thức về phát triển bền vững đất nước:

Phát triển bền vững ngày nay đã trở thành nhận thức chung, là yêu cầu mang tính thời đại, đã được nguyên thủ của các quốc gia và các tổ chức quốc tế nhất trí cam kết, thông qua và long trọng tuyên bố trong Tuyên ngôn Thiên niên kỷ, “như những nền tảng thiết yếu cho một thế giới hòa bình, thịnh vượng và công bằng hơn”.

Để nâng cao hơn nữa nhận thức về PTBV đất nước, các nghị quyết của các cấp ủy Đảng cần thể hiện rõ tinh thần của PTBV trong các nội dung có liên quan. Trên cơ sở đó, chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thực hiện các mục tiêu đề ra.

Mở các đợt tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân (thông qua các tổ chức chính trị xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội LHPN VN, Đoàn TNCS HCM, Công đoàn, các hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ...), dưới nhiều hình thức phong phú, bằng mọi kênh thông tin, kể cả lồng ghép những thông tin cần thiết vào các chương trình giảng dạy cho học sinh ở các trường phổ thông, nhằm cho làm cho mọi người hiểu rõ những nội dung thiết thực của PTBV và tự giác tham gia vào các hoạt động vì lợi ích thiết thân của họ.

(b) Nâng cao chất lượng quản trị quốc gia đối với phát triển bền vững đất nước:

Quan triệť tư tưởng PTBV là “sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...” (Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới: Báo cáo Brundtland – Tương lai chung của chúng ta, 1987), việc nâng cao hơn nữa chất lượng quản trị quốc gia đối

với PTBV đất nước có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành các mục tiêu cụ thể nêu trên. Vì quan điểm PTBV đã được xác định là tư tưởng xuyên suốt, nhất quán của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm tới, nên cần huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị: sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng; sự quản lý của Nhà nước; sự chỉ đạo thực hiện của Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành và các địa phương; sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị-xã hội; vai trò chủ động và thiết thực của các doanh nghiệp cũng như sự hưởng ứng vì lợi ích thiết thân của mỗi người dân.

Để nâng cao chất lượng quản trị quốc gia đối với PTBV đất nước, về phía quản lý Nhà nước cần:

- + Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách theo hướng rà soát lại hệ thống luật và các văn bản dưới luật hiện hành: thiếu thì làm mới, khuyết thì bổ sung.
- + Nâng cao chất lượng văn bản pháp luật. Thí điểm cải cách cách thức xây dựng luật và các văn bản dưới luật.
- + Xây dựng các chương trình hành động, các dự án đầu tư liên quan đến PTBV.
- + Đổi mới và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đầu tư liên quan đến PTBV.
- + Đổi mới công tác đánh giá kết quả thực hiện chính sách PTBV.
- + Có chế tài xử lý vi phạm và khen thưởng rõ ràng, nghiêm minh, minh bạch.

(c) Nâng cao vai trò của các doanh nghiệp trong phát triển bền vững:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp là những chủ thể chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ PTBV, bao gồm cả khía cạnh xã hội lẫn môi trường. Vì vậy, cần đề cao vai trò của các doanh nghiệp, khuyến khích những sáng kiến thực tiễn, thiết thực góp phần giải quyết những vấn đề xã hội và môi trường ngay từ trong phạm vi các doanh nghiệp.

(d) Đào tạo nhân lực:

Để thực hiện PTBV đất nước, điều cốt yếu nhất là ở nguồn nhân lực. Các nhà quản lý, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh và mọi người lao động đều phải quán triệt quan điểm về PTBV, có hiểu biết ngày càng sâu sắc về PTBV. Vì vậy, việc đào tạo nhân lực về quản lý và thực hiện các nhiệm vụ về PTBV, trong đó, đặc biệt chú ý đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vì sự nghiệp PTBV.

(e) Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho việc đảm bảo phát triển bền vững:

Việc huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn là điều kiện quan trọng đảm bảo thực hiện PTBV. Vì vậy, cùng với các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, cần huy động các nguồn vốn từ các doanh nghiệp, từ nhân dân để hình thành các quỹ phục vụ trực tiếp cho việc giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường.

(g) Mở rộng hợp tác quốc tế:

Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trao đổi thông tin, khoa học công nghệ, phát triển những ngành kinh tế môi trường (công nghệ xử lý chất thải, công nghệ tiêu tốn ít năng lượng, phát thải ít CO₂, công nghệ tái chế rác thải...); phối hợp giải quyết những vấn đề toàn cầu và khu vực (liên quốc gia), như giảm phát thải CO₂, ô nhiễm nguồn nước, không khí, khai thác rừng, đập thủy điện, những vấn đề xã hội như di dân, xuất khẩu lao động, v.v... Chủ động và tích cực tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết những vấn đề liên quan đến môi trường, cứu trợ nhân đạo, phòng chống dịch bệnh, thiên tai...

2.2.4.4. Tổ chức thực hiện:

Sau khi Định hướng phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 được phê duyệt, cần tiếp tục triển khai các công việc cụ thể sau:

- (a) Hội đồng Phát triển Bền vững quốc gia tổ chức nghiên cứu, tham mưu giúp Chính phủ trong công tác chỉ đạo, điều hành việc thực hiện Định hướng phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020.
- (b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, tổ chức việc xây dựng Chương trình hành động quốc gia về PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020, trong đó, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương; đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, đề xuất danh mục các chương trình ưu tiên và các dự án hợp tác quốc tế.
- (c) Các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào Định hướng này và Chương trình hành động quốc gia về PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020 để xây dựng các chương trình hành động phát triển bền vững của bộ, ngành, địa phương mình.
- (d) Bộ Thông tin và Truyền thông, các phương tiện thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, nhân dân về tinh thần của Định hướng chiến lược PTBV.
- (e) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức nghiên cứu đánh giá sơ kết kết quả thực hiện hàng năm và tổng kết 5 năm thực hiện Định hướng PTBV, báo cáo Thủ tướng và đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung các chính sách cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asian Development Bank, 1994. Climate Change in Asia: Viet Nam Country Report.
2. Ban thư ký Công ước Đa dạng Sinh học, 2010. Báo cáo triển vọng đa dạng sinh học toàn cầu lần thứ 3. Montreal.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2011. Kỷ yếu Hội nghị phát triển bền vững toàn quốc lần thứ ba. Hà Nội, tháng 1/2011.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (Trương Quang Học chủ biên), 2003. Đa dạng sinh học và bảo tồn.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2005. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia. Chuyên đề: Đa dạng sinh học.
6. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2004. Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam). Hà Nội.
7. Cục Bảo vệ Môi trường, 2003. 10 năm phát triển bền vững chặng đường từ Rio de Janeiro 1992 đến Johannesburg 2002. Hội thảo vì sự phát triển bền vững của Việt Nam, Hà Nội, tháng 10/2003. Bộ Tài nguyên và Môi trường.
8. IUCN, 2004a. The IUCN Programme 2005-2010: Many Voices, One Earth.
9. IUCN, 2004b. Engaging People in Sustainability, IUCN, CEC.
10. Millennium Ecosystem Board, 2005. Ecosystems and Human Well-being. MEA, Malaysia and United States.
11. Ministry of Natural Resources and Environment, 2003. Vietnam Initial National Communication: Submitted to the United Nations Framework Convention on Climate Change.
12. Ministry of Natural Resources and Environment, 2004. Vietnam National Strategy Study on Clean Development Mechanism. Final Report.
13. Quyết định phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Số 158/2008/QĐ-TTg, ngày 2/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.
14. Trương Quang Học, 2004. Giáo dục và nghiên cứu khoa học phục vụ Mục tiêu thiên niên kỷ. Bản tin ĐHQGHN, Hà Nội.
15. Trương Quang Học, 2005. Education for Sustainable Development. Hanoi International Forum, Hanoi.
16. Trương Quang Học, 2006. Education for Sustainable Development (A Case Study at CRES, Vietnam National University, Hanoi). UNESCO/Japan Seminar on Environmental Education Initiatives in University. Tokyo, 2-5/10/2006.
17. Trương Quang Học, 2007. Biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học trong mối quan hệ với đời sống và phát triển xã hội. Tạp chí Bảo vệ Môi trường, Số 96, tháng 5/2007.
18. Trương Quang Học, 2008. Hệ sinh thái trong phát triển bền vững. Trong: Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển: 20 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành. NXB Thế giới: 868-890.
19. Trương Quang Học, 2008. Linkage Between Biodiversity and Climate Change in Vietnam. Proceedings, The 2nd Vietnam – Japan Symposium on Climate Change and the Sustainability, 11/2008. Vietnam. National University Press. Ha Noi: 53-58.

20. Trương Quang Học, Phạm Thị Minh Thư và Võ Thanh Sơn, 2006. Phát triển bền vững (Lý thuyết và khái niệm). Bài giảng cho Hệ Cao học. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN.
21. Truong Quang Hoc and Per Bertilsson, 2008. The SEMLA Programme's activities on Response to Climate Change. The Third International Conference on Vietnamese Studies. Hanoi, 5-7/12/2008.
22. Truong Quang Hoc and Tran Hong Thai, 2008. Climate Change and Sustainable Development in Vietnam: Climate Change Impacts on Nature and Society Life. Proceedings, The 2nd Vietnam-Japan Symposium on Climate Change and the Sustainability, 11/2008. Vietnam. National University Press. Ha Noi: 19-26.
23. Trương Quang Học, 2010a. Biến đổi toàn cầu: Cơ hội và thách thức trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong: Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường. 25 năm xây dựng và phát triển. 25-31.
24. Trương Quang Học, 2010b. Đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ ba. Hà Nội: 18 tr.
25. Truong Quang Hoc, 2011a. Development of MSc program on Sustainability Science at Vietnam National University, Hanoi. International Conference on Sustainability Science in Asia (ICSS-Asia) 2011. Hanoi, March 2-4, 2011. Program and Abstracts.
26. Truong Quang Hoc, 2011b. Sustainable Development in Vietnam. International Conference on Sustainability Science in Asia (ICSS-Asia) 2011. Hanoi, 2-4/3/2011, Key-note Speaker. Program and Abstracts.
27. UNDP, 2007. Báo cáo Phát triển con người 2007/2008. Cuộc chiến chống biến đổi khí hậu: Đoàn kết nhân loại trong một thế giới phân cách. UNDP, Hà Nội: 390 tr.
28. WB, 2010a. Convenient Solution to an Inconvenient Truth: Ecosystem-Based Approaches to Climate Change. The World Bank: 114 pp.
29. WB, 2010b. Development and Climate Change. World Development Report. The World Bank: 417 pp.
30. Wood, Alexander, Pamela Stedman-Edwards and Johanna Mang, 2000. The Root Causes of Biodiversity Loss. Earthscan Publication Ltd, London and Sterling, VA.